



yǎn zhōng dīng

眼中钉

noun phrase · thorn in one's side

Example Sentences

Tā zài gōng sī lǐ chéng le dà jiā de yǎn zhōng dīng

他在公司里成了大家的眼中钉。

He became a thorn in everyone's side at the company.

Nà ge ài dǎ xiǎo bào gào de rén shì tóng shì men de yǎn zhōng dīng

那个爱打小报告的人是同事们的眼中钉。

That person who likes to tattle is a thorn in the colleagues' sides.

Trace each character, then write the word on your own.

眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼
眼	眼	眼								
中	中	中	中	中	中	中				
钉	钉	钉	钉	钉	钉	钉	钉	钉	钉	